

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2019

Thi tuyển các ngày 25&26/5/2019

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm Tiếng Anh	Điểm Toán	Điểm Chủ chốt
I. Tại Hà Nội:							
1	2001	Lưu Tú Anh	Nam	18/10/1980	93,00	10,00	8,50
2	2002	Trịnh Bảo Ân	Nam	03/03/1994	93,00	7,00	6,00
3	2003	Trần Thanh Bình	Nam	06/07/1991	93,00	8,00	7,00
4	2004	Đặng Ngọc Cương	Nam	23/07/1995	93,00	7,50	8,50
5	2005	Trương Bá Cường	Nam	16/12/1988	93,00	7,00	8,00
6	2006	Trần Mậu Quang Diệu	Nam	22/07/1995	77,00	7,50	5,50
7	2007	Đào Mạnh Duy	Nam	24/05/1996	80,00	8,00	8,00
8	2008	Bùi Hoàng Đông	Nam	10/08/1992	94,00	7,00	8,00
9	2009	Nguyễn Tiến Đức	Nam	10/08/1989	90,00	6,00	8,50
10	2010	Nguyễn Thị Việt Hà	Nữ	06/11/1993			
11	2011	Ngô Duy Hải	Nam	03/10/1981	92,00	7,50	5,50
12	2012	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ	18/11/1996	89,00	9,00	9,50
13	2013	Nguyễn Văn Hiệp	Nam	26/04/1993	90,00	9,50	9,00
14	2014	Nguyễn Minh Hòa	Nam	06/10/1995	87,00	9,00	9,50
15	2015	Mạc Thị Hồng Huệ	Nữ	05/12/1996	93,00	9,00	9,50
16	2016	Nguyễn Việt Hưng	Nam	19/07/1996	86,00	7,00	8,50
17	2017	Mai Thị Thu Hương	Nữ	01/03/1978	95,00	8,00	9,00
18	2018	Nguyễn Duy Khánh	Nam	26/12/1987	MT	7,50	5,50
19	2020	Phạm Hoàng Lân	Nam	14/07/1981	86,00	8,00	6,50
20	2021	Dương Văn Minh	Nam	18/10/1995	75,00	8,50	5,50
21	2022	Nguyễn Hồng Ngọc	Nữ	03/12/1995	77,00	6,50	8,00
22	2023	Bùi Yên Nhung	Nữ	27/08/1996	89,00	9,00	9,00
23	2024	Nguyễn Thế Quý	Nam	07/10/1992	90,00	9,00	8,50
24	2025	Nguyễn Đức Thành	Nam	11/01/1982	89,00	8,00	5,50
25	2026	Phạm Việt Thắng	Nam	18/05/1995	MT	9,00	7,50
26	2027	Lê Thanh Tới	Nam	01/09/1992	85,00	7,50	8,50
27	2028	Nguyễn Thu Trang	Nữ	15/03/1995	92,00	9,00	9,00
28	2029	Nguyễn Thị Thục Trinh	Nữ	20/12/1996	85,00	9,00	9,00
29	2030	Lê Thế Trung	Nam	09/10/1993	94,00	9,00	8,00
30	2031	Nguyễn Quang Trung	Nam	20/11/1996	92,00	9,00	6,50
31	2032	Trần Công Trung	Nam	03/02/1990	91,00	9,00	8,00
32	2033	Lê Thanh Tùng	Nam	17/03/1989	91,00	9,00	8,00
33	2034	Lê Thanh Xuân	Nam	07/04/1984	95,00	9,00	7,50
34	2035	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	07/05/1996	94,00	9,00	7,50

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm Tiếng Anh	Điểm Toán	Điểm Chủ chốt
35	2036	Nguyễn Thế Anh	Nam	11/05/1982	80,00	8,00	6,75
36	2037	Phùng Thị Quỳnh Chi	Nữ	25/05/1989	MT	8,00	8,50
37	2038	Nguyễn Văn Cường	Nam	26/09/1972	73,00	8,50	8,25
38	2039	Đặng Thị Thu Dung	Nữ	14/08/1987	75,00	8,50	9,00
39	2040	Nguyễn Thị Dung	Nữ	01/05/1982	77,00	8,50	8,75
40	2041	Trần Quý Đạt	Nam	16/07/1981	76,00	6,50	8,00
41	2042	Vũ Thị Hà	Nữ	03/11/1982	79,00	7,00	8,50
42	2043	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	14/11/1981	78,00	5,00	8,25
43	2044	Trần Thị Lệ Hoa	Nữ	20/03/1977	MT	7,00	8,50
44	2045	Phạm Thị Hoàn	Nữ	26/10/1991	77,00	8,50	8,75
45	2046	Vũ Thị Thu Hường	Nữ	22/09/1986	76,00	9,00	8,75
46	2047	Đàm Ngọc Kiên	Nam	01/02/1982	83,00	8,00	8,75
47	2048	Nguyễn Hữu Kiên	Nam	20/10/1974	83,00	8,00	8,75
48	2049	Bùi Đức Mạnh	Nam	10/10/1985	76,00	7,50	7,50
49	2050	Dương Thị Thanh Nga	Nữ	07/10/1979	83,00	5,50	8,00
50	2051	Đoàn Tố Nga	Nữ	17/12/1983	69,00	5,00	8,00
51	2052	Vũ Quỳnh Ngân	Nữ	10/10/1991	67,00	8,00	6,75
52	2053	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	22/07/1986	88,00	8,50	8,25
53	2054	Phạm Thị Trang Nhung	Nữ	22/09/1981	MT	8,50	5,75
54	2055	Hoàng Quý Phúc	Nam	21/09/1981	78,00	7,50	8,75
55	2056	Đoàn Minh Phương	Nam	05/06/1995	80,00	7,50	9,00
56	2057	Nguyễn Việt Thái	Nam	25/10/1989	76,00	7,00	8,00
57	2058	Dương Thị Minh Thu	Nữ	25/06/1986	86,00	5,00	8,75
58	2059	Trần Thị Thái Trang	Nữ	05/08/1980	85,00	5,50	7,25
59	2060	Lại Anh Tuấn	Nam	15/08/1987	84,00	7,50	8,00
60	2061	Lưu Văn Tuyên	Nam	17/08/1984	70,00	7,50	8,50
61	2062	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	25/05/1983	74,00	8,00	8,00
62	2063	Ngô Duy Viên	Nam	02/11/1979	84,00	7,00	8,00
63	2160	Dương Văn Đương	Nam	12/07/1978	80,00	6,50	8,25
64	2064	Nguyễn Linh Chi	Nữ	23/01/1993	MT	6,50	8,50
65	2065	Nguyễn Minh Cường	Nam	18/08/1996	91,00	6,00	7,50
66	2066	Trần Hoàng Đức	Nam	22/09/1994	MT	8,00	8,00
67	2067	Vũ Anh Đức	Nam	26/10/1983	74,00	7,50	8,00
68	2068	Phạm Thị Hằng	Nữ	10/08/1996	85,00	8,00	8,50
69	2069	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	21/03/1987	85,00	8,00	8,00
70	2070	Phạm Thị Phong Lan	Nữ	04/07/1982	MT	8,00	8,25
71	2071	Phạm Thị Hà Phương	Nữ	08/12/1989	83,00	8,50	8,75
72	2072	Trương Hoài Thanh	Nam	14/11/1981	82,00	8,00	8,25
73	2073	Phạm Công Thành	Nam	27/09/1982	78,00	6,50	8,50
74	2074	Đặng Kim Trung	Nữ	27/08/1981	84,00	8,00	8,75
75	2075	Đoàn Quỳnh Anh	Nữ	27/07/1995	78,00	9,00	7,00

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm Tiếng Anh	Điểm Toán	Điểm Chủ chốt
76	2076	Nguyễn Thế Anh	Nam	26/09/1980			
77	2077	Kiều Văn Bắc	Nam	25/06/1996			
78	2078	Lê Thị Mai Ca	Nữ	12/11/1983	78,00	8,50	8,00
79	2079	Vũ Văn Cần	Nam	06/09/1989	71,00	8,50	8,00
80	2080	Nguyễn Văn Chiến	Nam	16/10/1993	78,00	7,00	8,00
81	2081	Phạm Trần Minh Chiến	Nam	13/01/1996	75,00	8,00	8,00
82	2082	Nguyễn Hữu Công	Nam	05/03/1985	90,00	9,00	8,00
83	2083	Nguyễn Trọng Cường	Nam	20/12/1988	86,00	9,00	8,00
84	2084	Đào Trung Dũng	Nam	01/01/1994	75,00	7,00	8,00
85	2085	Nguyễn Hoàng Bảo Duy	Nam	30/03/1996	93,00	5,00	8,00
86	2086	Nguyễn Khương Duy	Nam	20/10/1992	88,00	8,50	8,00
87	2087	Lưu Trí Đạt	Nam	28/05/1996	67,00	8,00	7,00
88	2088	Bùi Minh Đăng	Nam	20/02/1996			
89	2089	Lê Hồng Điệp	Nam	07/07/1969	74,00	9,00	7,25
90	2090	Phạm Tiến Hậu	Nam	20/10/1984	91,00	8,00	7,50
91	2091	Phan Công Hậu	Nam	26/07/1994	81,00	9,00	7,75
92	2092	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	20/12/1996	88,00	8,00	7,50
93	2093	Đào Đình Hoàng	Nam	08/08/1995	92,00	9,00	7,50
94	2094	Trần Văn Hồng	Nam	06/04/1981	85,00	9,00	7,00
95	2095	Nguyễn Lương Huy	Nam	14/05/1996	80,00	7,50	7,00
96	2096	Hoàng Nhật Khánh	Nam	11/12/1995	MT	9,00	8,00
97	2097	Cao Thị Mai Lan	Nữ	12/12/1973	MT	9,00	6,00
98	2098	Nguyễn Thị Kiều Linh	Nữ	16/12/1985	88,00	9,00	7,50
99	2099	Nguyễn Tùng Linh	Nam	30/12/1987	92,00	9,00	7,50
100	2100	Nguyễn Trọng Long	Nam	27/02/1981	86,00	8,00	7,25
101	2101	Nguyễn Thừa Minh	Nam	02/10/1978	85,00	9,00	7,25
102	2102	Mai Hồng Phong	Nam	27/10/1980	76,00	9,00	7,00
103	2103	Nguyễn Ngọc Quang	Nam	13/05/1990	84,00	8,00	7,00
104	2104	Nguyễn Duy Thanh	Nam	06/11/1978	80,00	9,00	7,00
105	2105	Tổng Trần Thanh	Nam	29/03/1995	89,00	9,00	7,25
106	2106	Lương Quang Thiệu	Nam	10/03/1995	77,00	9,00	7,00
107	2107	Hoàng Hồng Thương	Nữ	08/10/1996	76,00	9,00	7,50
108	2108	Ngô Sỹ Tiến	Nam	02/01/1980	72,00	7,50	7,50
109	2109	Hoàng Đình Trường	Nam	06/09/1996	87,00	7,50	8,00
110	2110	Nguyễn Sỹ Tú	Nam	30/10/1995	86,00	9,00	8,00
111	2111	Vũ Duy Tú	Nam	30/06/1987	69,00	6,50	8,00
112	2112	Hà Anh Tuấn	Nam	15/03/1995	69,00	6,50	7,50
113	2113	Phạm Mạnh Tuấn	Nam	15/03/1996	77,00	7,00	8,00
114	2114	Đặng Thanh Tùng	Nam	08/07/1996			
115	2115	Phạm Nhật Việt	Nam	27/10/1981	82,00	7,00	8,00
116	2116	Lê Quang Vinh	Nam	01/11/1993	82,00	5,00	8,00

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm Tiếng Anh	Điểm Toán	Điểm Chủ chốt
117	2117	Lương Đức Xuyên	Nam	20/09/1994	MT	8,00	8,00
118	2118	Trần Mạnh Xuyên	Nam	15/08/1980	75,00	7,00	8,00
119	2119	Ngô Tùng Anh	Nam	09/09/1992	92,00	6,50	8,00
120	2120	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	01/10/1990	82,00	7,50	8,25
121	2121	Nguyễn Xuân Chương	Nam	22/08/1979	78,00	7,00	9,00
122	2122	Trần Đức Cường	Nam	06/12/1979	85,00	7,50	8,25
123	2123	Hoàng Tuấn Dũng	Nam	22/02/1992	MT	7,50	7,75
124	2124	Lê Công Đạt	Nam	15/06/1994	79,00	8,00	7,50
125	2125	Nguyễn Huy Hoàng	Nam	24/07/1995	83,00	6,50	9,00
126	2126	Nguyễn Thiện Hoàng	Nam	22/02/1994	88,00	5,00	8,50
127	2127	Nguyễn Duy Hưng	Nam	12/08/1984	78,00	5,50	8,50
128	2128	Nguyễn Doãn Khánh	Nam	04/10/1980	84,00	8,00	7,00
129	2129	Trần Xuân Lâm	Nam	08/09/1985	79,00	7,00	9,00
130	2130	Trần Xuân Mạnh	Nam	23/05/1985	82,00	7,50	9,00
131	2131	Nguyễn Cao Phương	Nam	18/12/1977			
132	2132	Dương Xuân Thái	Nam	17/03/1996	77,00	7,50	7,50
133	2133	Nguyễn Văn Thiệp	Nam	01/07/1984	81,00	8,00	7,50
134	2134	Nguyễn Bá Tình	Nam	13/08/1985			
135	2135	Nguyễn Thăng Tuấn	Nam	12/10/1990	79,00	6,00	7,50
136	2136	Lê Công Viên	Nam	06/01/1993	83,00	6,50	7,50
137	2137	Lưu Tuấn Anh	Nam	27/12/1986	75,00	7,00	7,50
138	2138	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	21/06/1984	71,00	6,50	8,00
139	2139	Hoàng Giang	Nam	17/07/1986	81,00	6,50	7,50
140	2140	Phạm Văn Hỷ	Nam	16/03/1994	85,00	8,00	6,75
141	2141	Trần Văn Long	Nam	31/01/1991	79,00	9,00	7,25
142	2142	Nguyễn Thanh Phong	Nam	06/03/1982	80,00	9,00	7,00
143	2143	Nguyễn Bảo Trung	Nam	11/10/1995	85,00	5,50	6,75
144	2144	Vũ Tiến Trung	Nam	26/05/1982	87,00	9,00	9,50
145	2145	Nguyễn Thị Mỹ Hào	Nữ	07/11/1995			
146	2146	Đoàn Hoàng Hiệp	Nam	22/06/1994	MT	7,00	6,25
147	2147	Lý Mạnh Hòa	Nam	24/05/1987	89,00	6,50	7,00
148	2148	Hoàng Thị Thanh Nga	Nữ	18/03/1976	92,00	6,50	7,25
149	2149	Lã Hồng Thái	Nam	22/05/1984	78,00	7,00	7,50
150	2150	Trần Danh Thiết	Nam	24/10/1979	93,00	8,50	5,75
151	2151	Ngô Thành Vương	Nam	28/07/1994			
152	2152	Trần Mạnh Long	Nam	16/07/1987	86,00	9,00	5,00
153	2153	Mai Xuân Thắng	Nam	02/10/1995	89,00	9,00	5,00
154	2154	Đường Quốc Dũng	Nam	16/10/1987	76,00	8,00	5,50
155	2155	Hoàng Minh Hà	Nam	14/05/1979	79,00	7,50	5,75
156	2156	Nguyễn Trung Kiên	Nam	20/04/1982	77,00	8,00	5,75
157	2157	Lê Huy Phương	Nam	17/10/1992	77,00	8,00	5,25

Handwritten signature

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm Tiếng Anh	Điểm Toán	Điểm Chủ chốt
158	2158	Bùi Sơn Thủy	Nam	12/10/1980	63,00	7,00	6,00
159	2159	Lô Văn Toàn	Nam	19/05/1989	75,00	7,50	5,50
II. Phân hiệu tại TP.HCM:							
1	6001	Nguyễn Văn Bắc	Nam	24/09/1993	67,00	7,50	8,00
2	6002	Nguyễn Ngọc Bảo	Nam	25/02/1982			
3	6003	Nguyễn Văn Chương	Nam	09/11/1992	70,00	7,50	8,00
4	6004	Huỳnh Tuấn Đông	Nam	23/01/1986	65,00	7,00	8,00
5	6005	Nguyễn Huỳnh Đức	Nam	10/07/1994	70,00	7,50	7,50
6	6006	Nguyễn Đại Dương	Nam	01/06/1994	73,00	7,50	8,00
7	6007	Nguyễn Dương	Nam	08/09/1990	61,00	5,50	8,00
8	6008	Đoàn Võ Anh Duy	Nam	21/11/1985	56,00	6,50	9,00
9	6009	Phan Văn Giáp	Nam	10/07/1994	68,00	6,50	8,50
10	6010	Nguyễn Quang Hân	Nam	01/05/1980	69,00	6,50	8,00
11	6011	Dương Văn Hào	Nam	26/09/1981	65,00	6,50	8,00
12	6012	Trần Tấn Hiên	Nam	26/06/1993	69,00	6,50	8,00
13	6013	Võ Thị Thanh Hiền	Nữ	29/12/1978			
14	6014	Lê Thành Hiếu	Nam	14/11/1984	71,00	6,50	8,50
15	6015	Hồ Đắc Hồ	Nam	20/05/1985	66,00	6,50	8,00
16	6016	Phan Danh Hoàng	Nam	26/06/1978	58,00	6,50	8,00
17	6017	Kinh Thuận Hợp	Nam	20/07/1975	68,00	6,50	8,00
18	6018	Trần Đào Nhật Hưng	Nam	10/08/1993	70,00	6,00	8,00
19	6019	Võ Đăng Khoa	Nam	30/09/1983	65,00	6,50	8,00
20	6020	Trần Mạnh Khương	Nam	15/12/1976	65,00	6,50	8,50
21	6021	Lê Thị Phương Lan	Nữ	10/12/1988	69,00	6,50	8,50
22	6022	Trịnh Bảo Long	Nam	03/01/1989	78,00	8,00	9,00
23	6023	Nguyễn Thành Nam	Nam	01/05/1974	78,00	8,50	9,00
24	6024	Trần Minh Nhật	Nam	10/11/1978	80,00	8,00	8,50
25	6025	Tổng Thị Oanh	Nữ	17/01/1995	81,00	8,50	8,00
26	6026	Tạ Vĩnh Phát	Nam	28/04/1983	84,00	7,50	8,00
27	6027	Vũ Minh Tân	Nam	23/10/1985	68,00	8,00	8,00
28	6028	Nguyễn Ngọc Thạch	Nam	30/10/1996	89,00	7,00	6,00
29	6029	Trần Thị Ngọc Thanh	Nữ	14/12/1985	80,00	9,00	6,00
30	6030	Trần Như Thảo	Nam	24/07/1984	79,00	6,50	7,50
31	6031	Nguyễn Minh Thịnh	Nam	15/05/1985	85,00	7,00	8,00
32	6032	Mã Lý Thông	Nam	1976	80,00	7,50	8,00
33	6033	Lê Thị Ngọc Thu	Nữ	30/12/1979	76,00	7,00	8,00
34	6034	Trần Diễm Trang	Nữ	15/09/1995	86,00	8,50	8,00
35	6035	Võ Kiên Trung	Nam	28/03/1982	78,00	8,00	8,00
36	6036	Nguyễn Thành Trung	Nam	01/07/1994	89,00	8,00	7,50
37	6037	Lê Hoàng Tú	Nam	24/12/1980	84,00	8,50	8,00
38	6038	Nguyễn Ngọc Tú	Nam	13/07/1984	90,00	6,50	8,00

STT	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm Tiếng Anh	Điểm Toán	Điểm Chủ chốt
39	6039	Nguyễn Thanh Tuấn	Nam	11/04/1994	88,00	8,00	8,00
40	6040	Huỳnh Quang Tuấn	Nam	29/04/1993	86,00	6,50	8,50
41	6041	Lê Thế Vinh	Nam	23/10/1977			
42	6042	Lê Đào Anh Vũ	Nam	24/11/1993	82,00	6,00	8,00
43	6043	Hà Thanh Can	Nam	26/12/1993	75,00	7,00	7,50
44	6044	Lâm Chí Đạt	Nam	1996	72,00	7,50	7,00
45	6045	Hà Mạnh Duy	Nam	22/08/1992	73,00	7,00	7,50
46	6046	Đặng Quang Duy	Nam	23/12/1995	71,00	7,00	7,00
47	6047	Trần Đắc Dũng	Nam	20/11/1994	57,00	7,50	7,00
48	6048	Ngô Văn Hải	Nam	23/09/1996	62,00	8,00	7,00
49	6049	Đinh Hữu Hiền	Nam	04/08/1990	54,00	6,00	7,50
50	6050	Võ Bá Hoàng	Nam	16/07/1993	69,00	8,00	7,00
51	6051	Phạm Văn Hoạt	Nam	17/04/1991	57,00	6,00	7,00
52	6052	Trần Văn Huyền	Nam	11/10/1994	75,00	7,50	7,00
53	6053	Huỳnh Anh Kiệt	Nam	19/02/1996	66,00	6,50	7,00
54	6054	Trương Thành Long	Nam	26/10/1995	67,00	7,00	7,00
55	6055	Đinh Bá Long	Nam	29/05/1994	59,00	6,00	7,50
56	6056	Phạm Hải Nam	Nam	26/12/1996			
57	6057	Phan Văn Nam	Nam	05/10/1995	59,00	7,00	7,50
58	6058	Nguyễn Hà Nhiên	Nam	29/05/1990			
59	6059	Trần Nguyễn Hải Sơn	Nam	03/01/1996	56,00	6,00	7,50
60	6060	Lê Nhựt Tân	Nam	06/10/1994	80,00	7,50	7,50
61	6061	Võ Phú Toàn	Nam	26/06/1991			
62	6062	Đồng Minh Trí	Nam	01/11/1995	78,00	8,00	7,50
63	6063	Nguyễn Ngọc Tuấn	Nam	06/03/1994	55,00	6,50	8,00
64	6064	Võ Anh Tuấn	Nam	15/07/1983	70,00	7,50	7,00
65	6065	Trần Tuấn	Nam	25/09/1994			
66	6066	Nguyễn Trọng Út	Nam	10/05/1985			
67	6067	Nguyễn Hoàng Vũ	Nam	21/04/1993	71,00	6,50	7,00
68	6068	Lê Quang Ngân	Nam	30/06/1986			
69	6069	Võ Việt Thắng	Nam	18/04/1989	60,00	1,00	6,50

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2019

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG KHẢO THÍ & ĐBCLĐT



PGS.TS. Nguyễn Thị Hòa